

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

*cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015
đã được soát xét*



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban lãnh đạo	2 – 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét	4
Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét	5 – 34
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 34

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Vang Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vang Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001012 ngày 03 tháng 5 năm 2002, các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là **27.000.000.000** đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 bao gồm:

- Sản xuất rượu vang;
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chế biến);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chi tiết: Sản xuất đồ uống có cồn);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu (Chi tiết: Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 34).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 9 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Xuân Hà	Chủ tịch HĐQT	Đại diện pháp luật của Công ty
Bà Phan Thị Bích Ngọc	Ủy viên	
Ông Hoàng Minh Thọ	Ủy viên	
Ông Trần Vũ Tuấn	Ủy viên	
Ông Phạm Ngọc Quý	Ủy viên	

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Văn Vinh	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10/9/2015
Ông Phạm Ngọc Quý	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/6/2015
Bà Trần Thị Hoàng Liên	Kế toán trưởng	

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban lãnh đạo (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2015

TM. Ban lãnh đạo
Chủ tịch HĐQT
CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG
Đ. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI
Phạm Xuân Hà

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		83.894.576.913	77.572.369.943
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.278.055.654	5.617.495.718
1.	Tiền	111	V.01	1.528.055.654	1.867.495.718
2.	Các khoản tương đương tiền	112		3.750.000.000	3.750.000.000
II.	Đầu tư tài chính	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.518.355.003	20.676.970.401
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	4.583.821.870	16.690.960.233
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.012.077.085	1.597.403.712
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	2.922.456.048	2.388.606.456
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.05	68.484.218.617	51.121.798.667
1.	Hàng tồn kho	141		68.484.218.617	51.121.798.667
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		613.947.639	156.105.157
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	53.035.679	143.709.569
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		560.911.960	12.395.588
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		28.609.998.628	28.010.329.523
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		44.380.000	291.880.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		44.380.000	291.880.000
4.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		11.201.603.619	9.829.275.774
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	11.162.146.750	9.784.876.291
	- Nguyên giá	222		45.737.220.740	45.420.970.195
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(34.575.073.990)	(35.636.093.904)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.07	39.456.869	44.399.483
	- Nguyên giá	228		95.000.000	95.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(55.543.131)	(50.600.517)
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.09	7.309.525.964	7.474.754.480
1.	Nguyên giá	231		8.261.425.803	8.261.425.803
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(951.899.839)	(786.671.323)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	2.660.992.821	2.975.394.866
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.660.992.821	2.975.394.866
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	4.300.000.000	4.300.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		3.100.000.000	3.100.000.000
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.200.000.000	1.200.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		3.093.496.224	3.139.024.403
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	3.093.496.224	3.139.024.403
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		112.504.575.541	105.582.699.466

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		87.034.332.620	74.951.301.177
I.	Nợ ngắn hạn	310		85.172.146.416	70.370.918.455
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	2.569.294.871	402.240.138
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		20.611.851.765	13.556.400.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	90.648.927	6.043.243.812
4.	Phải trả người lao động	314		134.720.124	673.967.123
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	-	86.414.382
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	359.629.701	2.566.577.475
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	61.404.430.275	47.024.054.772
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.570.753	18.020.753
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		1.862.186.204	4.580.382.722
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	509.488.387	509.488.387
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333	V.14	-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.15	17.782.142	17.782.142
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	1.334.915.675	4.053.112.193
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		25.470.242.921	30.631.398.289
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.16	25.431.457.921	30.600.238.289
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		27.000.000.000	27.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		27.000.000.000	27.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.475.755.461	1.475.755.461
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(3.044.297.540)	2.124.482.828
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		304.482.828	221.161.651
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(3.348.780.368)	1.903.321.177
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.17	38.785.000	31.160.000
1.	Nguồn kinh phí	431		38.785.000	31.160.000
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		112.504.575.541	105.582.699.466

Người lập biểu



Trần Thị Hoàng Liên

Kế toán trưởng



Trần Thị Hoàng Liên

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2015

Chủ tịch HĐQT



Phạm Xuân Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	19.913.271.724	17.735.946.063
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	74.703.307	307.083.292
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		19.838.568.417	17.428.862.771
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	17.669.125.322	16.044.427.986
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.169.443.095	1.384.434.785
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	89.991.575	112.552.159
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	2.754.397.099	2.679.580.311
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.753.744.114	2.076.172.470
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	927.378.566	1.175.417.154
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	2.763.277.454	2.767.903.475
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.185.618.449)	(5.125.913.996)
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	1.000.203.788	-
12.	Chi phí khác	32	VI.07	163.365.707	62.016.000
13.	Lợi nhuận khác	40		836.838.081	(62.016.000)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3.348.780.368)	(5.187.929.996)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(3.348.780.368)	(5.187.929.996)

Người lập biểu



Trần Thị Hoàng Liên

Kế toán trưởng



Trần Thị Hoàng Liên

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2015

Chủ tịch HĐQT



Phạm Xuân Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		40.261.500.685	43.109.292.796
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(31.411.917.265)	(28.229.586.696)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.711.345.849)	(4.408.643.367)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(2.347.917.843)	(3.576.172.470)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(455.711.356)	-
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		53.598.021	278.587.382
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(11.293.114.832)	(1.906.909.257)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(8.904.908.439)	5.266.568.388
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(2.092.164.500)	(810.477.955)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		1.069.090.909	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		89.991.575	439.032.516
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(933.082.016)	(371.445.439)

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		43.957.845.708	35.166.471.500
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(32.839.295.317)	(39.436.179.695)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.620.000.000)	(1.215.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		9.498.550.391	(5.484.708.195)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(339.440.064)	(589.585.246)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.617.495.718	5.372.273.542
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		5.278.055.654	4.782.688.296

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Trần Thị Hoàng Liên

Trần Thị Hoàng Liên

Phạm Xuân Hà

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 bao gồm:

- Sản xuất rượu vang;
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chế biến);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chi tiết: Sản xuất đồ uống có cồn);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu (Chi tiết: Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất).

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là dưới 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng số các công ty con: 02 công ty.

Thông tin về công ty con như sau:

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày cuối kỳ	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
			Cuối kỳ	Đầu năm
- Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%
- Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long	Số 343 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%

06. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2015, Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Do có một số thay đổi theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC so với Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC nhưng không yêu cầu điều chỉnh hồi tố nên một số chỉ tiêu trên Báo cáo

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ của năm kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm trước và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm sau.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con được xác định theo giá gốc.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

03. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- TSCĐ hữu hình khác	08 - 12 năm
- Phần mềm máy vi tính	08 năm
- Website	08 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	25 năm
-----------	--------

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản chi phí trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	795.542.332	1.561.619.977
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	732.513.322	305.875.741
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	<u><u>1.528.055.654</u></u>	<u><u>1.867.495.718</u></u>

34
HÀ
TY
IK
AT
VI

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONGSố 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	3.100.000.000	-	3.100.000.000	-
+ Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
+ Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long	100.000.000	-	100.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Rượu Hapro	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Thăng Long	200.000.000	-	200.000.000	-
Cộng	4.300.000.000	-	4.300.000.000	-

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/9/2015 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
+ Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	- Bán buôn, bán lẻ các sản phẩm rượu, đồ uống có cồn, không có cồn, hàng công nghệ.
+ Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long	Số 343 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	- Trong kỳ, Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	4.583.821.870	16.690.960.233
- Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	-	12.085.985.826
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	4.583.821.870	4.604.974.407
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	4.583.821.870	16.690.960.233

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	Công ty con	-	12.085.985.826
Cộng		-	12.085.985.826

04. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	2.922.456.048	-	2.388.606.456	-
- Phải thu của người lao động	35.867.514	-	-	-
- Tạm ứng	1.307.294.790	-	752.819.890	-
- Phải thu ngắn hạn khác	1.579.293.744	-	1.635.786.566	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	2.922.456.048	-	2.388.606.456	-

05. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	7.147.978.678	-	5.029.126.218	-
- Công cụ, dụng cụ	619.007.015	-	631.320.821	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	43.782.560.780	-	33.802.196.943	-
- Thành phẩm	12.302.665.187	-	7.186.728.676	-
- Hàng hoá	977.552.462	-	1.045.552.728	-
- Hàng gửi bán	3.654.454.495	-	3.426.873.281	-
Cộng	68.484.218.617	-	51.121.798.667	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONGSố 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	12.454.595.277	28.459.895.758	2.510.517.690	349.239.818	1.646.721.652	45.420.970.195
- Mua trong kỳ	-	1.594.600.000	394.952.000	-	-	1.989.552.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	417.014.545	-	-	-	-	417.014.545
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.090.316.000)	-	-	-	(2.090.316.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	12.871.609.822	27.964.179.758	2.905.469.690	349.239.818	1.646.721.652	45.737.220.740
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	9.295.001.125	23.615.055.288	1.316.569.189	340.883.820	1.068.584.482	35.636.093.904
- Khấu hao trong kỳ	175.362.564	621.270.831	104.189.384	4.624.062	54.962.124	960.408.965
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.021.428.879)	-	-	-	(2.021.428.879)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	9.470.363.689	22.214.897.240	1.420.758.573	345.507.882	1.123.546.606	34.575.073.990
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	3.159.594.152	4.844.840.470	1.193.948.501	8.355.998	578.137.170	9.784.876.291
2. Tại ngày cuối kỳ	3.401.246.133	5.749.282.518	1.484.711.117	3.731.936	523.175.046	11.162.146.750

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 15.669.540.613 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 5.115.127.440 đồng và 3.584.555.726 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Website	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>60.000.000</i>	<i>35.000.000</i>	<i>95.000.000</i>
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>60.000.000</i>	<i>35.000.000</i>	<i>95.000.000</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>40.258.513</i>	<i>10.342.004</i>	<i>50.600.517</i>
- Khấu hao trong kỳ	2.755.116	2.187.498	4.942.614
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>43.013.629</i>	<i>12.529.502</i>	<i>55.543.131</i>
III. Giá trị còn lại			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>19.741.487</i>	<i>24.657.996</i>	<i>44.399.483</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>16.986.371</i>	<i>22.470.498</i>	<i>39.456.869</i>

08. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>2.660.992.821</i>	<i>2.975.394.866</i>
- Mua sắm	-	-
- Xây dựng cơ bản	2.660.992.821	2.975.394.866
+ Công trình 181 Lạc Long Quân	929.691.727	929.691.727
+ Công trình 45 Lạc Long Quân	973.659.328	973.659.328
+ Công trình 343 Lạc Long Quân	273.337.221	170.724.721
+ Công trình 323 Vĩnh Hưng	484.304.545	901.319.090
- Sửa chữa lớn	-	-
Cộng	2.660.992.821	2.975.394.866

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONGSố 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
I. Nguyên giá bất động sản đầu tư	8.261.425.803	-	-	8.261.425.803
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	8.261.425.803	-	-	8.261.425.803
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
II. Giá trị hao mòn lũy kế	786.671.323	165.228.516	-	951.899.839
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	786.671.323	165.228.516	-	951.899.839
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư	7.474.754.480	-	165.228.516	7.309.525.964
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	7.474.754.480	-	165.228.516	7.309.525.964
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

10. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	53.035.679	143.709.569
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	8.000.000	23.564.568
- Phí bảo hiểm	39.392.498	100.020.001
- Các khoản khác	5.643.181	20.125.000
b) Dài hạn	3.093.496.224	3.139.024.403
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	294.814.495	516.829.205
- Trả trước tiền thuê đất tại Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro	2.590.668.358	2.622.195.198
- Sửa chữa TSCĐ	139.384.934	-
- Các khoản khác	68.628.437	-
Cộng	3.146.531.903	3.282.733.972

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	47.024.054.772	47.024.054.772	45.085.294.138	30.704.918.635	61.404.430.275	61.404.430.275
- Vay ngân hàng	29.239.711.319	29.239.711.319	30.113.165.708	20.971.004.817	38.381.872.210	38.381.872.210
+ Ngân hàng TM Cổ phần Quân Đội - Tây Hồ ^(a)	9.366.190.136	9.366.190.136	2.498.937.832	5.930.763.206	5.934.364.762	5.934.364.762
+ Ngân hàng BIDV-CN Hai Bà Trưng ^(b)	5.599.625.183	5.599.625.183	13.321.127.788	3.311.625.183	15.609.127.788	15.609.127.788
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(c)	14.273.896.000	14.273.896.000	14.293.100.088	11.728.616.428	16.838.379.660	16.838.379.660
- Vay đối tượng khác	17.784.343.453	17.784.343.453	14.388.308.594	9.733.913.818	22.438.738.229	22.438.738.229
+ Công ty Thương mại dịch vụ Tràng Thi	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-	-
+ Các cá nhân ^(d)	14.784.343.453	14.784.343.453	14.388.308.594	6.733.913.818	22.438.738.229	22.438.738.229
- Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	583.819.836	-	583.819.836	583.819.836
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	583.819.836	-	583.819.836	583.819.836
b. Vay dài hạn	4.053.112.193	4.053.112.193	-	2.718.196.518	1.334.915.675	1.334.915.675
Từ 1 năm đến 5 năm	4.053.112.193	4.053.112.193	-	2.718.196.518	1.334.915.675	1.334.915.675
- Vay ngân hàng	4.053.112.193	4.053.112.193	-	2.718.196.518	1.334.915.675	1.334.915.675
+ Ngân hàng Công thương VN - Sở Giao dịch 1	1.842.466.064	1.842.466.064	-	1.842.466.064	-	-
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(e)	2.210.646.129	2.210.646.129	-	875.730.454	1.334.915.675	1.334.915.675
Cộng	51.077.166.965	51.077.166.965	45.085.294.138	33.423.115.153	62.739.345.950	62.739.345.950

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển bao gồm các loại nguyên vật liệu, vật tư sản xuất thành phẩm rượu và quyền thuê đất tại địa chỉ số 343 đường Lạc Long Quân, Cầu Giấy, Hà Nội, lãi suất vay từ 8,8%/năm đến 9%/năm.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 05 xe ô tô và 03 xe nâng hàng, lãi suất vay từ 8,8%/năm đến 9%/năm.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong để bổ sung vốn lưu động và mở thư tín dụng nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ nguyên vật liệu sản xuất rượu vang, thành phẩm và quyền thuê đất tại kho Vĩnh Tuy, xã Thanh Trì, huyện Thanh Trì, Hà Nội, lãi suất vay từ 8,8%/năm đến 9%/năm.
- (d) Khoản vay các đối tượng khác để phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất từ 9%/năm đến 10%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONGSố 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(e) Khoản vay dài hạn bằng tín chấp tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thanh toán tiền mua tank và ô tô, lãi suất 9,5%/năm - 9,6%/năm.

Đơn vị tính: VND

12. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	2.569.294.871	2.569.294.871	402.240.138	402.240.138
- Công ty Cổ phần XNK Lương thực Thực phẩm Hà Nội - CN Kinh doanh tổng hợp Bà Đỗ Thị Vân (Ba Vi)	2.122.500.000	2.122.500.000	-	-
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	446.794.871	446.794.871	247.968.000	247.968.000
b) Phải trả người bán dài hạn	509.488.387	509.488.387	509.488.387	509.488.387
- Công ty Cổ phần Dầu tư Hạ tầng & Công trình Kiến trúc Hà Nội	443.786.433	443.786.433	443.786.433	443.786.433
- Phải trả dài hạn cho các người bán khác	65.701.954	65.701.954	65.701.954	65.701.954
Cộng	3.078.783.258	3.078.783.258	911.728.525	911.728.525

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế giá trị gia tăng	2.100.462.863	-	2.100.462.863	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.459.529.412	93.512.591	3.537.891.204	15.150.799
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	455.711.356	-	455.711.356	-
- Thuế thu nhập cá nhân	27.540.181	116.337.868	68.379.921	75.498.128
- Thuế tài nguyên	-	-	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.989.725.143	1.989.725.143	-
- Các loại thuế khác	-	-	-	-
Cộng	6.043.243.812	2.199.575.602	8.152.170.487	90.648.927

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	-	86.414.382
- Chi phí lãi vay	-	70.814.382
- Chi phí phải trả khác	-	15.600.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	-	86.414.382

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	359.629.701	2.566.577.475
- Kinh phí công đoàn	132.033.989	138.727.454
- Bảo hiểm y tế	10.385.209	1.573.200
- Bảo hiểm thất nghiệp	4.472.605	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	212.737.898	2.426.276.821
+ Phải trả Tổng Công ty Thương mại Hà Nội về tiền hỗ trợ vốn bán hàng bình ổn giá	-	2.000.000.000
+ Công ty TNHH Rượu Vang Thăng Long	-	612.893
+ Lãi vay phải trả	-	109.292.958
+ Các đối tượng khác	212.737.898	316.370.970
b) Dài hạn	17.782.142	17.782.142
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.782.142	17.782.142
Cộng	377.411.843	2.584.359.617

16. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	27.000.000.000	1.863.277.098	1.436.161.651	30.299.438.749
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	1.903.321.177	1.903.321.177
Tăng khác	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	(1.215.000.000)	(1.215.000.000)
Giảm khác	-	(387.521.637)	-	(387.521.637)
Số dư cuối năm trước	27.000.000.000	1.475.755.461	2.124.482.828	30.600.238.289
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong kỳ này	-	-	(3.348.780.368)	(3.348.780.368)
Tăng khác	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	(1.820.000.000)	(1.820.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	27.000.000.000	1.475.755.461	(3.044.297.540)	25.431.457.921

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
Vốn góp của Nhà nước	10.800.000.000	40	10.800.000.000	40
Vốn góp của các cổ đông khác	16.200.000.000	60	16.200.000.000	60
Cộng	27.000.000.000	100	27.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	27.000.000.000	27.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	27.000.000.000	27.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.620.000.000	1.215.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	1.620.000.000	1.215.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.700.000	2.700.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

f. Các quỹ của Công ty

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	1.475.755.461	1.475.755.461
Cộng	1.475.755.461	1.475.755.461

17. Nguồn kinh phí

	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	38.785.000	31.160.000
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	-	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	38.785.000	31.160.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014
- Doanh thu bán hàng hóa	17.681.303.160	13.389.429.942
- Doanh thu bán thành phẩm	496.776.136	660.375.190
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	2.927.504.568
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.735.192.428	758.636.363
Cộng	19.913.271.724	17.735.946.063

Doanh thu đối với các bên liên quan

	Mối quan hệ	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015
- Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	Công ty con	284.832.210

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014
- Chiết khấu thương mại	44.467.505	13.816.912
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	30.235.802	293.266.380
Cộng	74.703.307	307.083.292

03. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	17.336.003.255	13.441.282.423
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	117.356.804	130.184.721
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	2.297.360.864
- Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	215.765.263	175.599.978
Cộng	17.669.125.322	16.044.427.986

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	89.991.575	112.552.159
Cộng	89.991.575	112.552.159

05. Chi phí tài chính

	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014
- Lãi tiền vay	2.753.744.114	2.076.172.470
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	603.407.841
- Chi phí tài chính khác	652.985	-
Cộng	2.754.397.099	2.679.580.311

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Thu nhập khác

	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014
- Thu thanh lý tài sản cố định	1.000.203.788	-
Cộng	1.000.203.788	-

07. Chi phí khác

	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014
- Các khoản bị phạt	163.236.240	-
- Các khoản khác	129.467	62.016.000
Cộng	163.365.707	62.016.000

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	2.763.277.454
- Chi phí nhân viên quản lý	1.279.638.337
- Chi phí vật liệu quản lý	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	41.576.066
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	264.913.863
- Chi phí bằng tiền khác	1.177.149.188
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	927.378.566
- Chi phí nhân viên	675.521.665
- Chi phí vật liệu, bao bì	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	64.408.396
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.396.547
- Chi phí bằng tiền khác	158.051.958
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-
Cộng	3.690.656.020

09. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.065.576.877	7.751.023.042
- Chi phí nhân công	4.627.252.046	5.892.562.514
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.130.580.095	1.055.457.060
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	632.008.673	324.980.102
- Chi phí khác bằng tiền	3.664.660.744	1.023.387.393
Cộng	19.120.078.435	16.047.410.111

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 9 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

02. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	Từ 01/4/2015
	đến 30/9/2015
Tiền lương	201.240.655
Cộng	201.240.655

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	Công ty con

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/4/2015
	đến 30/9/2015
<i>Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long</i>	
- Bán hàng hóa, thành phẩm	284.832.210
- Chiết khấu thương mại	39.733.228
- Hàng bán bị trả lại	30.235.802

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long</i>		
+ Phải thu của khách hàng	-	12.085.985.826
Cộng nợ phải thu	-	12.085.985.826

Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long

+ Người mua trả tiền trước	7.759.793.435	-
Cộng nợ phải trả	7.759.793.435	-

03. Thay đổi chính sách kế toán

Trong kỳ, Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

04. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Sản xuất: Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì;
- Thương mại: Kinh doanh các sản phẩm hàng hóa ău uống, lương thực, thực phẩm chế biến, bao bì;
- Kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Sản xuất	Thương mại	Kinh doanh bất động sản	Cộng
Từ ngày 01/4/2015 đến ngày 30/9/2015				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	422.072.829	17.681.303.160	1.735.192.428	19.838.568.417
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	252.563.072	23.000.009.215	771.614.579	24.024.186.866
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	169.509.757	(5.318.706.055)	963.577.849	(4.185.618.449)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	2.003.813.221	597.425.265	58.629.604	2.659.868.090
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	969.528.897	382.048.491	165.228.516	1.516.805.904
Số dư tại ngày 30/9/2015				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	61.834.508.485	34.291.817.080	9.900.194.322	106.026.519.887
- Tài sản không phân bổ				6.478.055.654
Tổng tài sản	61.834.508.485	34.291.817.080	9.900.194.322	112.504.575.541
- Nợ phải trả bộ phận	2.029.133.353	85.003.628.514	-	87.032.761.867
- Nợ phải trả không phân bổ				1.570.753
Tổng nợ phải trả	2.029.133.353	85.003.628.514	-	87.034.332.620

Khu vực địa lý kinh doanh:

Toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chi diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONGSố 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Sản xuất	Thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Kinh doanh bất động sản	Đơn vị tính: VND
					Cộng
Từ ngày 01/4/2014 đến ngày 30/9/2014					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	236.960.593	13.505.761.247	2.927.504.568	758.636.363	17.428.862.771
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	222.726.722	18.715.788.847	3.440.661.221	175.599.978	22.554.776.767
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	14.233.871	(5.210.027.600)	(513.156.653)	583.036.385	(5.125.913.996)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	847.276.592	-	-	-	847.276.592
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	632.011.549	397.704.471	86.206.296	175.599.978	1.291.522.294
Số dư tại ngày 30/9/2014					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	57.609.486.005	23.266.124.375	5.043.157.816	10.293.705.033	96.212.473.229
- Tài sản không phân bổ					10.110.961.731
Tổng tài sản	57.609.486.005	23.266.124.375	5.043.157.816	10.293.705.033	106.323.434.960
- Nợ phải trả bộ phận	1.138.214.343	64.873.449.901	14.061.948.635	2.303.082.576	82.376.695.454
- Nợ phải trả không phân bổ					19.070.753
Tổng nợ phải trả	1.138.214.343	64.873.449.901	14.061.948.635	2.303.082.576	82.395.766.207

Khu vực địa lý kinh doanh:

Toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chi diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONGSố 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Giá trị ghi sổ	Số cuối kỳ	Dự phòng	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.278.055.654	-	-	5.617.495.718	5.278.055.654	5.617.495.718
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.163.115.614	-	-	16.982.840.233	6.163.115.614	16.982.840.233
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	1.200.000.000	-	-	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
Cộng	12.641.171.268	-	-	23.800.335.951	12.641.171.268	23.800.335.951

Giá trị sổ sách

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	3.078.783.258	911.728.525	3.078.783.258	911.728.525
Vay và nợ	62.739.345.950	51.077.166.965	62.739.345.950	51.077.166.965
Chi phí phải trả	-	86.414.382	-	86.414.382
Các khoản phải trả khác	230.520.040	2.444.058.963	230.520.040	2.444.058.963
Cộng	66.048.649.248	54.519.368.835	66.048.649.248	54.519.368.835

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

06. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

07. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	2.569.294.871	509.488.387	-	3.078.783.258
Vay và nợ	61.404.430.275	1.334.915.675	-	62.739.345.950
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	212.737.898	17.782.142	-	230.520.040
Cộng	64.186.463.044	1.862.186.204	-	66.048.649.248
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	402.240.138	509.488.387	-	911.728.525
Vay và nợ	47.024.054.772	4.053.112.193	-	51.077.166.965
Chi phí phải trả	86.414.382	-	-	86.414.382
Các khoản phải trả khác	2.426.276.821	17.782.142	-	2.444.058.963
Cộng	49.938.986.113	4.580.382.722	-	54.519.368.835

08. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 02 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

09. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2014 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, một số nội dung được trình bày lại cho phù hợp với quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

STT	Nội dung	Số dư tại 01/4/2015 (VND)	Chỉ tiêu đã trình bày trên BCTC kết thúc tại ngày 31/3/2015		Chỉ tiêu trình bày trên BCTC từ ngày 01/4/2015 đến ngày 30/9/2015	
			Tên chỉ tiêu	Mã số	Tên chỉ tiêu	Mã số
1	Tạm ứng	752.819.890	Tài sản ngắn hạn khác	158	Phải thu ngắn hạn khác	136
2	Trả trước cho người bán dài hạn	291.880.000	Phải thu dài hạn khác	218	Trả trước cho người bán dài hạn	212
3	Quỹ dự phòng tài chính	1.475.755.461	Quỹ dự phòng tài chính	418	Quỹ đầu tư phát triển	418

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2015

Người lập biểu

Trần Thị Hoàng Liên

Kế toán trưởng

Trần Thị Hoàng Liên

Chủ tịch HĐQT



Phạm Xuân Hà